



ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐẦU VÀO

NĂM HỌC: 2022-2023

MÔN: TIẾNG ANH - KHỐI 8

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích: Hướng dẫn học sinh ôn tập đúng trọng tâm kiến thức môn tiếng Anh test đầu vào lớp 8.
2. Yêu cầu: Nội dung ôn tập phù hợp với trình độ cơ bản của học sinh và một số nội dung phân hóa học sinh khá giỏi. Thời điểm kiểm tra : Tháng 6,7,8 năm học mới.

II. NỘI DUNG:

1. Nội dung chính thứ nhất: chọn từ có cách phát âm gạch dưới khác với các từ còn lại.
2. Nội dung chính thứ hai: (Grammar)
 - 2.1 Thì, dạng động từ (thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn)
 - 2.2 Wh- questions: What, when, why, where, how, how often, how many, how much.....
 - 2.3 Cấu trúc so sánh hơn và so sánh nhất
 - 2.4 Giới từ (in, on, at, ...)
 - 2.5 Cấu trúc tương đồng (so, too, neither, either, ...)
 - 2.5 Từ vựng Unit 9, 12, 13
 - 2.6 Từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ.
3. Nội dung chính thứ ba: đọc hiểu đoạn văn
4. Chuyển đổi câu tương ứng

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. sách giáo khoa Tiếng Anh 7 (hệ 7 năm)
2. sách bài tập Tiếng Anh 7

IV. ĐỀ THI ÚNG VỚI ĐỀ CƯƠNG NÀY GỒM 25 CÂU. (Hình thức trắc nghiệm)

Đề thi với tổng số câu là 25 câu, thời gian làm bài là 30 phút (tỷ lệ : dễ 60 %, khó 40%)

1. Nội dung thứ nhất: thuộc phần I: Pronunciation: 4 câu
2. Nội dung thứ hai: thuộc phần II: Multiple choice: 12 câu
3. Nội dung thứ ba: thuộc phần III: Cloze text: 6 câu
4. Nội dung thứ tư: thuộc phần IV: Writing: 3 câu

CHUYÊN ĐỀ 1: THÌ CỦA ĐỘNG TỪ

Thì	Cách dùng	Dấu hiệu	Ví dụ
<p style="text-align: center;">SIMPLE PRESENT</p> <p style="text-align: center;">(Hiện tại đơn)</p> <p>- To be: thì, là, ở</p> <p>KĐ: S + am / is / are</p> <p>PD: S + am / is / are + not</p> <p>NV: Am / Is / Are + S ...?</p> <p>- Động từ thường:</p> <p>KĐ: S + V1 / V(s/es)</p> <p>PD: S + don't/ doesn't + V1</p> <p>NV: Do / Does + S + V1 ...?</p>	<p>- chỉ một thói quen ở hiện tại</p> <p>- chỉ một sự thật, một chân lí.</p>	<p>- always, usually, often, sometimes, seldom, rarely (<i>ít khi</i>), seldom (<i>hiếm khi</i>), every, once (<i>một lần</i>), twice (<i>hai lần</i>)</p>	<p>- She often gets up at 6 am.</p> <p>- The sun rises in the east. (<i>Mặt trời mọc ở hướng Đông</i>)</p>
<p style="text-align: center;">PRESENT CONTINUOUS</p> <p style="text-align: center;">(Hiện tại tiếp diễn)</p> <p>KĐ: S + am / is / are + V-ing</p> <p>PD: S + am / is / are + not + V-ing</p> <p>NV: Am / Is /Are + S + V-ing?</p>	<p>- hành động đang diễn ra ở hiện tại.</p>	<p>- at the moment, now, right now, at present</p> <p>- Look! <i>Nhìn kìa</i></p> <p>- Listen! <i>Lắng nghe kìa</i></p>	<p>- Now, we are learning English.</p> <p>- She is cooking at the moment.</p>
<p style="text-align: center;">SIMPLE PAST</p> <p style="text-align: center;">(Quá khứ đơn)</p> <p>- To be:</p> <p>KĐ: I / He / She / It + was</p> <p style="padding-left: 40px;">You / We / They + were</p> <p>PD: S + wasn't / weren't</p>	<p>- hành động xảy ra và chấm dứt trong quá khứ.</p>	<p>- yesterday, last week, last month, ...ago, in 1990, in the past, ...</p>	<p>- She went to London last year.</p> <p>- Yesterday, he walked to school.</p>

<p>NV: Was / were + S ...?</p> <p>- Động từ thường:</p> <p>KĐ: S + V2 / V-ed</p> <p>PD: S + didn't + V1</p> <p>NV: Did + S + V1?</p>			
<p>SIMPLE FUTURE</p> <p>(Trương lai đơn)</p> <p>KĐ: S + will / shall + V1</p> <p>I will = I'll</p> <p>PD: S + will / shall + not + V1</p> <p>(won't / shan't + V1)</p> <p>NV: Will / Shall + S + V1 ...?</p>	<p>- hành động sẽ xảy ra trong tương lai</p>	<p>- tomorrow (<i>ngày mai</i>), next, in 2015, tonight (<i>tối nay</i>), soon (<i>sớm</i>)</p>	<p>- He will come back tomorrow.</p> <p>- We won't go to school next Sunday.</p>

*** Một số động từ bất qui tắc khi chia quá khứ đơn:**

Nguyên mẫu	Quá khứ	Nghĩa
- be	- was / were	- thì, là, ở
- go	- went	- đi
- do	- did	- làm
- have	- had	- có
- see	- saw	- nhìn thấy
- give	- gave	- cho
- take	- took	- lấy
- teach	- taught	- dạy
- eat	- ate	- eaten
- send	- sent	- gửi

- teach	- taught	- dạy
- think	- thought	- nghĩ
- buy	- bought	- mua
- cut	- cut	- cắt, chặt
- make	- made	- làm
- drink	- drank	- uống
- get	- got	- có, lấy
- put	- put	- đặt, để
- tell	- told	- kể, bảo
- little	- less	- ít hơn

I. Correct the form of the verb

- Lan often (go) _____ to school by bicycle.
- The Sun (shine) _____ brightly everyday.
- Hoa (not have) _____ many friends in her new school.
- Listen! He (play) _____ the piano in his room.
- Who _____ Ba (talk) _____ to on the phone now?
- Yesterday I (stay) _____ at home and watched TV all evening.
- We went to see the doctor because we (be) _____ sick.
- I (be) _____ busy last night, so I (miss) _____ a good film on TV.
- Mai usually (make) _____ all her clothes. At the moment she (make) _____ a new dress.
- Last night we (go) _____ to the cinema with our parents.
- Last Sunday I (see) _____ an accident on the street.
- Hoa (brush) _____ her teeth twice a day.
- + What _____ you (do) _____ last night?
+ I (do) _____ my homework.

14. She (not go) _____ to school yesterday because she was ill.
15. Tomorrow my father (go) _____ to Hanoi.
16. + When _____ Thomas Edison (die) _____ ?
+ He (die) _____ in 1931.
17. They (build) _____ this house in 2005.
18. Next year they (buy) _____ a new house.
19. Where _____ you (go) _____ next summer vacation?
20. + _____ they (buy) _____ this new car two days ago?
+ No. They (buy) _____ it two months ago.
21. My sister (sit) _____ in front of the TV now.
22. + What _____ Lan (do) _____ at the moment?
+ She (water) _____ the flowers in the garden.
23. He (send) _____ a letter to his friend last Sunday.
24. She (not /watch) _____ TV last night.
25. Ba: _____ you (go) _____ out last night?
Ha: Yes. I (go) _____ to the movie, but I (not enjoy) _____ the movie much.
26. Tomorrow she (visit) _____ her parents.
27. We (eat) _____ a delicious dinner at a restaurant last Saturday.
28. Yesterday I (phone) _____ Mary. She (not be) _____ at home, so I (speak) _____ to his mother.
29. He (go) _____ to the English club every Sunday. But last Sunday he (not go) _____ there he (go) _____ to the City's Museum.
30. Don't make noise! I (try) _____ to learn these English words by heart .

II. Choose the best answer

1. The train _____ half an hour ago.

A. has been leaving B. left C. has left D. had left

2. Jack _____ the door tomorrow.

A. has painted B. paint C. will paint D. painting

3. I _____ Texas State University now.

A. am attending B. attend C. was attending D.
attended

4. Christopher Columbus _____ American more than 500 years ago.

A. discovered B. has discovered C. had discovered D. is
discovering

5. They _____ table tennis with their parents when their father comes back home.

A. will play B. are playing C. play D. would
play

6. I _____ in the room right now.

A. am being B. was being C. have been being D. am

7. I'll come and see you before I _____ for the States.

A. leave B. will leave C. left D. leaves

8. He promises he _____ return later.

A. will B. would C. can D. would
be

9. He will take the dog out for a walk as soon as he _____ dinner.

A. finish B. finishes C. will finish D.
finishing

10. Tom and Mary _____ for Vietnam tomorrow.

A. leave B. are leaving C. leaving D. are left

11. He always _____ for a walk in the evening.

- A. go B. is going C. goes D. going

12. Her brother _____ in Canada at present.

- A. working B. works C. is working D. work

13. I _____ to the same barber last year.

- A. am going B. is going C. go D. went

14. Her father _____ when she was a small girl.

- A. dies B. died C. has died D. had died

15. Last week, my professor promised that he _____ today.

- A. would come B. will come C. comes D. coming

16. He always _____ coffee in the morning. But today he _____ tea in the morning.

- A. drinks/ drinks B. is drinking/ drinks C. drink/ is drinking D. drinks/ is drinking

17. The train _____ the station at 7 o'clock.

- A. leave B. is leaving C. leaves D. left

CHUYÊN ĐỀ 2: PHÁT ÂM

-s/ -es	/s/: k, p, f, t
	/ɪz/: o, s, ch, x, sh, z, g
	/z/: còn lại

-ed	/ɪd/: t, d
	/t/: ch, p, f, k, c, s, x, sh

- | | | | |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------|
| 1. A. proofs <u> </u> | B. books <u> </u> | C. points <u> </u> | D. days <u> </u> |
| 2. A. helps <u> </u> | B. laughs <u> </u> | C. cooks <u> </u> | D. finds <u> </u> |
| 3. A. neighbors <u> </u>
photographs <u> </u> | B. friends <u> </u> | C. relatives <u> </u> | D. |
| 4. A. snacks <u> </u> | B. follows <u> </u> | C. titles <u> </u> | D. writers <u> </u> |
| 5. A. streets <u> </u> | B. phones <u> </u> | C. books <u> </u> | D. makes <u> </u> |
| 6. A. cities <u> </u> | B. satellites <u> </u> | C. series <u> </u> | D. workers <u> </u> |
| 7. A. develops <u> </u>
volumes <u> </u> | B. takes <u> </u> | C. laughs <u> </u> | D. |
| 8. A. phones <u> </u> | B. streets <u> </u> | C. books <u> </u> | D. makes <u> </u> |
| 9. A. proofs <u> </u> | B. regions <u> </u> | C. lifts <u> </u> | D. rocks <u> </u> |
| 10. A. involves <u> </u> | B. believes <u> </u> | C. suggests <u> </u> | D. steals <u> </u> |
| 11. A. remembers <u> </u>
pyramids <u> </u> | B. cooks <u> </u> | C. walls <u> </u> | D. |
| 12. A. miles <u> </u> | B. words <u> </u> | C. accidents <u> </u> | D. names <u> </u> |
| 13. A. sports <u> </u> | B. plays <u> </u> | C. chores <u> </u> | D. minds <u> </u> |
| 14. A. nations <u> </u> | B. speakers <u> </u> | C. languages <u> </u> | D. minds <u> </u> |
| 15. A. proofs <u> </u> | B. looks <u> </u> | C. lends <u> </u> | D. stops <u> </u> |
| 16. A. arrived <u> </u> | B. believed <u> </u> | C. received <u> </u> | D. hoped <u> </u> |
| 17. A. opened <u> </u>
occurred <u> </u> | B. knocked <u> </u> | C. played <u> </u> | D. |
| 18. A. rubbed <u> </u> | B. tugged <u> </u> | C. stopped <u> </u> | D. filled <u> </u> |

19. A. dimmed B. travelled C. passed D. stirred
20. A. tipped B. begged C. quarreled D. carried
21. A. tried B. obeyed C. cleaned D. asked
22. A. packed B. added C. worked D.
pronounced
23. A. watched B. phoned C. referred D.
followed
24. A. agreed B. succeeded C. smiled D. loved
25. A. laughed B. washed C. helped D.
weighed

CHUYÊN ĐỀ 4: DẠNG CỦA ĐỘNG TỪ

1. Verb + to verb

_ Agree, arrange, attempt, ask, decide, hope, learn, manage, offer, plan, prepare, promise, refuse, remember, seem, tend, try, volunteer, expect, want ...

2. Verb + V-ing

_ Admit, avoid, delay, enjoy, consider, deny, finish, imagine, keep, mind, miss, postpone, practice, risk, stop, regret, suggest, like, love, detest ...

3. Verb + V1

_ Can, could, will, would, must, have to, should, ought to, had better, may,

4. Một số cấu trúc khác

- Let's + V1 ...

- Should we + V1 ...

- Would you like to + V1 ...

- Why don't you + V1 ...

- What about / How about + V-ing ...?

_ Prefer + to V1

_ Prefer V-ing to V-ing

_ It takes/ took + O + time + to V1

_ S + spend + time + Ving

I. Correct the form of the verb

1. Our class (start) _____ at 7.00 o'clock and (finish) _____ at 11.15 every morning.
2. + How often _____ your father (swim) _____ ?
+ He (go) _____ swimming twice a week.
3. My brother (start) _____ playing the piano when he was ten.
4. His father (watch) _____ TV everyday and he (do) _____ too.
5. I (meet) _____ her at the movie theater last night.
6. They (build) _____ a new school near my neighborhood.
7. It often (take) _____ me 20 minutes to go to school by bus.
8. They sometimes (go) _____ to school by car.
9. At the moment Hoa (sit) _____ in her room to watch TV.
10. Look at those black clouds. I think it (rain) _____ in a few minutes.
11. I like (listen) _____ to pop music.
12. Do you prefer (take) _____ part in sports ?
13. What would you like (watch) _____ ?
14. You should (learn) _____ English harder.
15. He decided (buy) _____ a new car because his old one was very old.
16. I don't enjoy (meet) _____ a lot of people.
17. You are sick, so you should (go) _____ to the doctor.
18. Hoa looks tired, so she must (stay) _____ in bed.
19. Let's (play) _____ chess tomorrow afternoon.
20. We'd like (make) _____ some sandwiches but we can't.
21. We can (enjoy) _____ traditional music in the theater.
22. Would you like (go) _____ to the theater with us?

23. My sister likes (play) _____ the piano.
24. Many people prefer (fly) _____ to (go) _____ by sea.
25. Children shouldn't (drink) _____ coffee. It is not good for their health

CHUYÊN ĐỀ 5: CÂU SO SÁNH

- Tính từ ngắn là từ có 1 âm tiết, hoặc 2 âm tiết nhưng chữ cái cuối cùng của âm tiết thứ hai có kết thúc là *-y, -le, -ow, -er, và -et*.

- Tính từ dài là từ 2 âm tiết trở lên.

1. So sánh bằng

S + V + as + adj/ adv + as ... I cook as well as her

2. So sánh hơn:

- Tính từ ngắn: S + be + adj + er + than I am taller than Tuan.

- Tính từ dài: S + be + more + adj + than My school is more beautiful than your school.

3. So sánh nhất:

- Tính từ ngắn: S + be + the + adj + est He is the tallest in his class.

- Tính từ dài: S + be + the most + adj My school is the most beautiful.

4. Một số từ so sánh bất qui tắc:

So sánh bằng	So sánh hơn	So sánh nhất
- good / well	better	the best
- bad	worse	the worst
- many/ much	more	the most

- little less the least
- far farther/ further the farthest/ the furthest

I. Correct the form of the word

1. Mary is (pretty) _____ as her sister.
2. A new house is (expensive) _____ than an old one.
3. His job is (important) _____ than mine.
4. Of the four ties, I like the red one (well) _____.
5. Nobody is (happy) _____ than Miss Snow.
6. Today English is the (international) _____ of languages.
7. John is much (strong) _____ than I thought.
8. Benches are (comfortable) _____ than arm- chairs.
9. Bill is (good) _____ than you thought.
10. Mr. Bush is the (delightful) _____ person I have ever known.
11. Dick is the (careful) _____ of the three workers.
12. Is the book (interesting) _____ than the one you read last week?
13. Gold is (precious) _____ than iron.
14. The weather today is (warm) _____ than the weather yesterday.
15. This film is not (good) _____ as the one we saw last week.

II. Rewrite the following sentences

1. Lan is taller than Hoa.
→ Hoa is _____
2. I am bigger than my sister.
→ My sister is _____
3. Jane cooks better than me.
→ I cook _____
4. My mom is younger than my dad.

→ My dad is _____

5. Nam is thinner than Minh.

→ Minh is _____

6. My father is heavier than me.

→ I am _____

7. That tree is higher than this tree.

→ This tree is _____

8. My shirt is older than your shirt.

→ Your shirt is _____

CHUYÊN ĐỀ 6: GIỚI TỪ

1. chỉ nơi chốn:

- on

- next to

- in

- behind

- under

- in front of

- near

- beside

- to the left / the right of - between

- on the left

- on the right

- at the back of

- opposite

- on + tên đường

- at + số nhà, tên đường

2. chỉ thời gian:

- at + giờ

- in + tháng, mùa, năm

- on + thứ, ngày

- from ... to

- after

- before

Ex: at 6 o'clock

in the morning / in the afternoon / in the evening

in August, in the autumn, in 2012

on Sunday, on 20th July

from Monday to Saturday

* chỉ phương tiện giao thông: by; on

Ex: by car; by train, by plane, on foot.

Fill the suitable preposition into the blanket

1. Does your father work _____ Hanoi?
2. What do you do _____ your free time?
3. Lan'll have a party _____ Friday evening.
4. David is good _____ Math.
5. Are you interested _____ sports?
6. There's a good film _____ the moment.
7. Would you like to come _____ my house _____ lunch?
8. Thanks _____ your letter.
9. I'll see my mom and dad _____ their farm.
10. We have to work hard _____ home and _____ school.
11. She takes care _____ her family.
12. He works _____ a factory.
13. We always go to Ha Long Bay _____ vacation.
14. Tell me more _____ your family.
15. Can you send me a photo _____ your family?
16. She works _____ a local supermarket.
17. He goes _____ the city _____ his wife.
18. It takes 18 hours to get _____ Hanoi _____ coach.
19. We write _____ each other twice a week.
20. My mother works _____ the field _____ my father.
21. We'll visit her _____ Christmas.
22. Are you tired _____ watching TV?
23. She often brings them _____ school.
24. He is the president _____ our club.
25. She spends most _____ the time _____ the couch _____ front _____ the TV.
26. What do you usually do _____ school?
27. Why don't you come _____ ?
28. They swap cards _____ their friends.
29. What do you do _____ recess?
30. I'll take part _____ your club.

CHUYÊN ĐỀ 7: CÂU TƯƠNG ĐỒNG

CÂU KHẲNG ĐỊNH (SO / TOO)	CÂU PHỦ ĐỊNH (EITHER / NEITHER)
--------------------------------------	--

Công thức:

_ So + trợ động từ + S

_ S + trợ động từ, too

Ex:

1. I am a teacher.

→ So am I / I am, too.

2. I love music.

→ So do I / I do, too.

3. I will go home.

→ So will I / I will, too

Công thức:

_ Neither + trợ động từ + S

_ S + trợ động từ + not, either

Ex:

1. I don't like ice-cream.

→ Neither do I / I don't, either.

2. I won't tell lie.

→ Neither will I / I won't, either.

3. I can't swim.

→ Neither can I / I can't, either.

I. Fill too or either into the blankets

1. We often go swimming in the summer, and they _____.
2. She can speak English very well. I _____.
3. Nam didn't come to the party last night, and Minh _____.
4. Hoa will buy some oranges and pineapples. I _____.
5. They don't want to go out tonight, and we _____.
6. The pineapples aren't ripe, and the bananas _____.
7. Nam is hungry and his friends _____.
8. Jane won't come. Peter _____.
9. Hoa had a medical check-up yesterday morning. We _____.
10. He can't swim and his brother _____.

II. Fill so or neither into the blankets

1. I ate bread and eggs for breakfast. _____ I
2. Hoa doesn't like pork, and _____ her aunt.
3. Milk is good for your health. _____ fruit juice.
4. I didn't see her at the party last night _____ we.
5. These boys like playing soccer, and _____ those boys.
6. My father won't go to Ha Noi, and _____ my mother.
7. Nam can swim. _____ Ba.
8. The spinach isn't fresh. _____ the cabbages.

9. You should drink a lot of milk, and _____ your brother.

10. I don't know how to cook, _____ my sister.

III. Rewrite the following sentences using so, too, neither, either

1. They can play volleyball. We can play volleyball.

→ _____

2. Mr. Tam won't come to the party tonight. His wife won't come to the party tonight.

→ _____

3. My father didn't drink beer. My uncle didn't drink beer.

→ _____

4. She is learning English. I am learning English.

→ _____

5. I'm not a doctor. They aren't doctors.

→ _____

PRACTICE TEST 1

I. Verb form

1. Look! She (play) _____ soccer.

2. Nga (watch) _____ TV every evening.

3. Lan (have) _____ noodles for breakfast.

4. We (go) _____ to visit Ha Long Bay next week.

5. They love (work) _____ on the farm.

6. They (do) _____ their homework to night.

7. Mai (be) _____ 12 years old next month.

8. She would like (have) _____ a party in her house.

9. She (invite) _____ some her friends in her party.

10. It is easy (find) _____ an apartment in Ha Noi.
11. He (go) _____ to English club every day.
12. We (play) _____ soccer on weekends.
13. The weather is very bad. You must (be) _____ cold.
14. They (sit) _____ in the library.
15. Mai (do) _____ her homework every day.
16. What about (go) _____ to the beach?
17. We (travel) _____ to Ha Noi tonight.
18. He (not come) _____ here tomorrow
19. Let's (go) _____ to school.
20. Mr. Hung (go) _____ to the movies once a month

II. Choose the best answer

1. _____ a beautiful day!
- A. What a B. What the C. What an D. What
2. The living room _____ a table and four armchairs.
- A. has B. is having C. have D. are having
3. _____ interesting the film is!
- A. How much B. Which C. What D. How
4. _____ are you, Mai?
- A. What B. Who C. Which D. When
5. Lan is one year _____ than Mai.
- A. older B. elder C. old D. oldest
6. "Would you like some tea, Lan?" – " _____ "
- A. No, thanks B. Good idea C. Never mind D. Go straight
7. My father is _____ work now.

A. in B. on C. at D. with

8. Are there _____ stools in your room?

A. a B. an C. any D. and

9. The radio is next _____ the television.

A. to B. on C. at D. with

10. Mi. What _____ your father do, Ha? Ha. He's a policeman.

A. is B. do C. are D. does

11. Come in and _____ a seat!

A. do B. is C. give D. have

12. A farmer works hard from morning _____ night.

A. at B. on C. in D. till

13. Red is my _____ color.

A. like B. favorite C. love D. lovely

14. A farmer works on a _____.

A. factory B. hospital C. school D. farm

15. Are there _____ lamps on the wall?

A. any B. a C. some D. an

16. He writes articles for a newspaper. He is _____.

A. a journalist B. a teacher C. a musician D. doctor

17. _____ an interesting story! I'm reading it the third time now.

A. How B. What C. That D. This

18. The opposite of "cheap" is _____

A. lovely
awful B. amazing C. expensive D.

19. My mother is a nurse. She _____ care of sick people.

A. makes
takes B. has C. brings D.

20. Ho Chi Minh is the biggest _____ all cities in Vietnam.

- A. at B. in C. of D. for

21. He works in a hospital. He cares about people's teeth. He's a _____.

- A. doctor B. nurse C. chemist D. dentist

23. She looks like you. She _____ your sister.

- A. must be B. perhaps C. must D. may

24. It is easy _____ this test.

- A. do B. to do C. does D. doing

25. Nam is in the _____. He is taking a shower.

- A. bedroom B. kitchen C. bathroom D. diningroom

26. Hoa sits in the first row, but Lien doesn't. She sits _____ Hoa.

- A. behind B. under C. next to D. near

27. The first question is easy, but the rest _____ difficult.

- A. is B. are C. seems D. be

28. What _____ ! Thanks a lot.

- A. a nice present B. a present nice C. nice a present D. nice present

28. Jane lives _____ farm with her uncle and aunt.

- A. in B. on C. at D. from

30. Linda loves _____ to music.

- A. listens B. listen C. listening D. to listening

III. Rewrite the following sentences

1. Nam is more intelligent than other students in this class.

→ No one _____

2. Where does Tan live?

→ What _____

3. There is a sink, a tub and a shower in the bathroom.

→ The bathroom has _____

4. That film is very boring.

→ What _____

5. Her father takes a bus to work every day.

→ Her father goes _____

6. Lucy likes pink and white the best.

→ Pink and _____

7. When is your birthday?

→ What is _____

8. My house has a living room, a bedroom and a kitchen.

→ There is _____

9. She enjoys watching cartoon after school.

→ She is _____

10. He is interested in playing computer games.

→ He likes _____

PRACTICE TEST 2

I. Correct the form of the verb

1. Mr. John (have) _____ lot of friends in Hue.

2. She (be) _____ unhappy now. She (miss) _____ her parents in Hue.

3. Nancy (talk) _____ to her mom at the moment.

4. She (be) _____ 14 on her next birthday.

5. Roxy's old school (be) _____ small. It (not have) _____ many students.

6. I (walk) _____ to school every day, but today I (ride) _____ my bike to school.

6. He look different _____ his father.

- A. for B. from C. with D. at

7. _____ classes do you have today? – We have four classes.

- A. How far B. How much C. How many D. What time

8. Students have to _____ each day.

- A. 20 - minutes break B. 20 - minute break C. 20 - minute breaks D. 20 - minutes breaks

9. The United States' Library of Congress is one of the _____ libraries in the world.

- A. large B. larger C. larger than D. largest

10. _____ novels are very interesting.

- A. That B. These C. This D. There

11. I keep an English _____ beside me when I am reading an English book.

- A. dictionary B. glasses C. ruler D. clock

12. Magazines and newspapers are on the _____ in the corner on the right.

- A. kitchen B. bathroom C. racks D. refrigerator

13. She works in a library. She is a _____

- A. worker B. doctor C. farmer D. librarian

14. Her father is a farmer. He works _____ a farm.

- A. in B. on C. at D. to

15. _____ does it take from your house to the stadium? – About half an hour.

- A. How much B. How many C. How D. How long

16. Mai learns _____ to use a computer.

- A. what B. when C. how D. where

17. We are _____ some experiments.

A. making studying B. doing C. learning D.

18.. My brother is good _____English.

A. at B. in C. with D. on

19.. All the students enjoy _____on the weekend.

A. to camp B. camping C. camp D. camps

20. Does Nam often play marbles _____ recess?

A. on B. at C. in D. from

21. _____ don't you come to my house? – OK. Let's go.

A. Why B. Let C. What D. Which

22.. Nga is _____a play for the school anniversary celebration.

A. making listening B. rehearsing C. practicing D.

23. What about _____Ha Long Bay?

A. to visit B. visit C. visiting D. visits

24. Would you like _____badminton?

A. play B. playing C. to play D. plays

25. In _____, we study about the life of animals and plants.

A. Biology Chemistry B. English C. Math D.

26. Vietnamese students take part _____ different activities at recess.

A. on B. in C. at D. with

27. His idea is quite different _____ mine.

A. with B. of C. from D. on

28. There is nothing in the refrigerator. Let's _____ to the market.

A. go B. going C. goes D. to go

29. Math books are on the shelves _____ the right.

A. on B. at C. to D. in

30. Students have two _____ each day.

- A. 20-minute break B. 20-minutes break C. 20-minutes breaks D. 20-minutes breaks

III. Rewrite the following sentences

1. We always go to school at six thirty.

→ We always go to school at _____

2. Why don't we listen to music?

→ What about _____?

3. How much are these books?

→ How much _____?

4. I often go to bed at nine fifteen.

→ I often go to bed at a _____

5. She likes Physics best.

→ Her favorite _____

6. Classes always finish at three forty – five.

→ Classes always finish at a _____

7. How much is this school bag?

→ How much _____?

8. Should we go to the movies?

→ What about _____?

9. They like playing soccer

→ They enjoy _____

10. The blue dress is cheaper than the red one.

→ The red dress is _____

PRACTICE TEST 3

I. Correct the form of the verb

1. They (not watch) _____ TV now.

2. We always (play)_____sports in the afternoon.
3. David (jog)_____now.
4. Mr. Hung (go)_____to the movies once a month.
5. Nam (want)_____to travel to Vung Tau very much.
6. We (go)_____to visit Ha Long Bay next week.
7. Mai and Lan (go)_____to the zoo once a month.
8. David (like)_____swimming in the summer.
9. Phuong (stay)_____with her aunt for a week this summer
10. It's very far from here. Let's (go)_____by bus.
11. What about (visit)_____him this weekend?
12. What time _____you (go) _____to school ?
13. Lan (watch) _____TV three times a week.
14. Nam and Ba often (go) _____fishing on Sundays.
15. We (not go) _____to school on Sundays.

II. Choose the best answer

1. Would you open your mouth so that I can _____ your temperature?
 A. measure B. listen to C. take D. feel
2. Playing tennis twice a week is what keeps me _____.
 A. good B. fit C. normal D. well
3. Sneezing is one of the usual _____ of the common cold.
 A. signs B. symptoms C. records D. notes
4. Swimmers should be aware _____ the water safety.
 A. of B. in C. for D. about
5. Man could not swim freely underwater _____ a breathing equipment was invented.
 A. until B. after C. when D. with
6. It's good for us to eat lots of vegetables and fruit. It means that we _____ eat them.

A. must B. can C. ought D. should

7. Yesterday, I was absent from class. My mother wrote a _____ for me.

A. medical record B. sick note C. letter D. postcard

8. We _____ an English test at present.

A. take B. took C. are taking D. taking

9. My mother looks _____ sick people. She is a nurse.

A. after B. with C. on D. in

10. It won't be difficult to keep _____ with old friends.

A. touching B. in touch C. in touching D. touching on

11. Jane is a good friend of _____. She is American.

A. me B. my C. mine D. I

12. How big is Ho Chi Minh City? – It is much _____ than Ca Mau City.

A. big B. more big C. bigger D. biggest

13. Don't forget to wash your _____ before meals.

A. feet B. hands C. teeth D. legs

14. It's _____ to brush your teeth every day.

A. very important B. not important C. unimportant D. less important

15. My aunt tells us a lot _____ you.

A. of B. about C. at D. on

16. Wash vegetables and fruit before _____.

A. cooking and eating B. to cook and to eat. C. cook and eat. D. cooking and eat

17. - _____ do you brush your teeth? – Twice a day.

A. How much B. How often C. How far D. How long

18. -What's _____ matter? – I have a toothache.
 A. a B. an C. the D. some
19. What do you do _____ yourself clean and tidy?
 A. keep B. keeping C. to keep D. B & C
20. I know how to take care _____ myself.
 A. of B. about C. in D. for
21. The dentist _____ a cavity in my tooth.
 A. filled B. made C. stopped D. broke
22. _____ do you take morning exercise? --Because it's good for my health.
 A. What B. Why C. When D. Where
23. What does a dentist look after? - She looks after people's _____.
 A. hands B. feet C. teeth D. ears
24. Lien looks worried because she often _____ to brush her teeth.
 A. forget B. forgets C. to forget D. forgetting
25. Most children feel _____ when they come to see the dentist.
 A. scared B. sad C. happy D. tired
26. Hoa _____ up early and does some exercise every day.
 A. gets B. getting C. got D. will get
27. What time do you go to _____ bed? – _____ nine o'clock.
 A. a/at B. the/at C. φ/in D. φ/at
28. I received a letter _____ my aunt last week.
 A. of B. to C. from. D. in
29. Don't eat too _____ candy.
 A. much B. many C. lots of D. few
30. Are you scared _____ seeing the dentist?
 A. of B. in C. at D. for

III. Reading the passage

exploration

*stayed
meals*

important

little

balanced

kept

selection

surgeon

Most people today know how _____ (1) it is to have a _____ (2) diet. We have available to us a wide _____ (3) of dietary supplements including vitamins and minerals. If we do not have them enough, we will get diseases. For example, a Scottish _____ (4), James Lind, discovered that eating _____ (5) or no fresh fruit such as lemons or oranges led to the disease called scurvy. That kind of disease was more common in the fifteen and sixteen centuries when Europeans began to make long voyages of _____ (6). Sailors who got only conventional _____ (7) developed scurvy while the ones provided with a supply of fresh lemon juice _____ (8) healthy.

IV. Rewrite the following sentences

1. It took my father half an hour to walk to work yesterday.

→ My father spent _____

2. She cannot study English well

→ She is _____

3. What is the weight of this chicken?

→ How heavy _____

4. Listening to music is more interesting than watching TV.

→ I prefer _____

5. Why don't we go to the movie tonight?

→ Let's _____

6. Do you want to have a drink?

→ Would you like _____